

Số: 868 /QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 23 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú để đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (diện tích 673.940,67 m²)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 và Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 17/9/2015 và Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú chuyển đổi hình thức thuê đất đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 206/TTr-STNMT ngày 17/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú để đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (diện tích 673.940,67 m²), cụ thể như sau:

1. Mục đích định giá đất:

Xác định giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú để đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (diện tích 673.940,67 m²).



2. Thông tin về khu đất cần định giá

- Khu đất tọa lạc tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú và xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Tổng diện tích khu đất: 673.940,67 m².

- Mục đích sử dụng đất:

+ Đất thương mại, dịch vụ.

+ Đất khu công nghiệp (đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ).

- Thời điểm định giá: Tháng 12/2019.

3. Kết quả xác định giá đất

TT	Hạng mục	Diện tích đất (m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
A	XÃ TIẾN HƯNG	101.021,10		68.010.298.863
	Đất khu công nghiệp			68.010.298.863
1	Khu vực 1 ven trục giao thông chính (đường DT741 - đoạn từ ranh giới phường Tân Bình, Tân Xuân đến ranh giới huyện Đồng Phú)	101.021,10		68.010.298.863
1.1	Đối với diện tích 62.396,5 m² cách HLBVĐB dưới 360m	62.396,50		55.898.455.387
a	Vị trí 01 không tiếp giáp	59	3.346.781	197.460.079
b	Vị trí 02	2.570	1.373.039	3.528.710.230
c	Vị trí 03	5.144	1.029.779	5.297.183.176
d	Vị trí 04	54.623,50	858.149	46.875.101.902
1.2	Đối với diện tích 38.624,6 m² cách HLBVĐB trên 360m (Tính theo Khu vực 1 nông thôn)	38.624,60		12.111.843.476
a	Vị trí 01	4.873	446.237	2.174.512.901
b	Vị trí 02	11.426	334.678	3.824.030.828
c	Vị trí 03	14.205,80	290.054	4.120.449.113
d	Vị trí 04	8.119,80	245.431	1.992.850.634
B	THỊ TRẤN TÂN PHÚ	572.919,57		266.649.098.731
I	Đất thương mại, dịch vụ	21.545,68		14.694.197.117

TT	Hạng mục	Diện tích đất (m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
1	Đối với diện tích 15.275,58 m ² - Đường phố loại 1 (đường Cách Mạng Tháng Tám - đoạn từ trụ điện 73 ranh giới thị xã Đồng Xoài đến trụ điện 88)	15.275,58		10.761.715.386
a	Vị trí 03	1.959	907.220	1.777.243.980
b	Vị trí 04	9.267,58	706.925	6.551.483.992
c	Vị trí cách HLBVĐB trên 200m	4.049	600.886	2.432.987.414
2	Đối với diện tích 6.270,1 m ² - Đường phố loại 1 (đường Cách Mạng Tháng Tám - đoạn từ trụ điện 88 đến trụ điện 123)	6.270,10		3.932.481.731
a	Vị trí 02	145	1.206.485	174.940.325
b	Vị trí 03	1.832	725.776	1.329.621.632
c	Vị trí 04	4.293,10	565.540	2.427.919.774
II	Đất khu công nghiệp	551.373,89		251.954.901.614
1	Đối với diện tích 460.190,03 m ² - Đường phố loại 1 (đường Cách Mạng Tháng Tám - đoạn từ trụ điện 73 ranh giới thị xã Đồng Xoài đến trụ điện 88)	460.190,03		219.080.202.201
a	Vị trí 02	6.956	1.131.080	7.867.792.480
b	Vị trí 03	17.890	680.415	12.172.624.350
c	Vị trí 04	35.779	530.194	18.969.811.126
d	Vị trí cách HLBVĐB trên 200m	399.565,03	450.665	180.069.974.245
2	Đối với diện tích 91.183,86 m ² - Đường phố loại 1 (đường Cách Mạng Tháng Tám - đoạn từ trụ điện 88 đến trụ điện 123)	91.183,86		32.874.699.414
	Vị trí cách HLBVĐB trên 200m	91.183,86	360.532	32.874.699.414
	TỔNG CỘNG	673.940,67		334.659.397.593

(Bảng chữ: Ba trăm ba mươi bốn tỷ, sáu trăm năm mươi chín triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm chín mươi ba đồng).

Ghi chú: Giá đất trên tính cho thời hạn sử dụng đất là 50 năm.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú; Tổng giám đốc Công ty CP Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P: KT, TH;
- Lưu: VT.(Trung)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ^{Hy}
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huyệnh Anh Minh